TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023
"Về việc tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Quế
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Huỳnh Anh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn T D K, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số 144, ấp V T1, xã C P, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh V T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số 144, ấp V T1, xã C P, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn T D K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T sống chung với nhau vào năm 1994, hôn nhân do tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi vả, cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng không có hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T có hai con chung tên: Huỳnh C H, sinh ngày 07/8/1995 và Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2000, tất cả đã trưởng thành, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị K và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh V T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh V T thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn T D K về điều kiện và thời gian sống chung, cũng như mâu thuẫn tình cảm vợ chồng. Anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với chị K.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh T và chị K có hai con chung tên: Huỳnh C H, sinh ngày 07/8/1995 và Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2000, tất cả đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Huỳnh V T và chị Nguyễn T D K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham giam gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T có hai con chung tên: Huỳnh C H, sinh ngày 07/8/1995 và Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2000, tất cả đã trưởng thành và lao động được, đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T tự thỏa thuận, đề nghị không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn T D K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn T D K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh V T có địa chỉ cư trú tại: ấp V T1, xã C P, thị xã T C, tỉnh A G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T sống chung vào năm 1994, hôn nhân do anh chị tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi vả, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh V T, anh T xác định cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa và đồng ý ly hôn với chị K.

Xét thấy, chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T thuận tình ly hôn nhưng do sống chung không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T là phù hợp.

[2] *Về con chung:* Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T có hai con chung tên: Huỳnh C H, sinh ngày 07/8/1995 và Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2000, tất cả đã trưởng thành và lao động được. Chị K và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4*] Về nợ chung:* Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn T D K phải

chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T.

2. *Về con chung*: Không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn T D K và anh Huỳnh V T tự thỏa thuận, không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn T D K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007021 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND xã Châu Phong, TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Phạm Minh Sang